

Số: 1031/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

V/v rà soát ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư, kinh doanh

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về rà soát các quy định về điều kiện kinh doanh (theo Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2023 trực tuyến với địa phương), Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát như sau:

I. RÀ SOÁT LẠI QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Về ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Cải cách ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện (sau đây gọi tắt là ngành nghề kinh doanh có điều kiện) và điều kiện đầu tư, kinh doanh (sau đây gọi tắt là điều kiện kinh doanh) nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh, thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích phát triển doanh nghiệp là trọng tâm của Chính phủ. Thực tế cho thấy những điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, không có ý nghĩa và hiệu quả về quản lý nhà nước đã gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh; làm tăng chi phí, nguồn lực và làm giảm niềm tin của nhà đầu tư, doanh nghiệp; giảm tính hấp dẫn của môi trường kinh doanh; do đó tác động trực tiếp tới tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Chính vì vậy, thu hẹp ngành nghề kinh doanh có điều kiện; bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và thúc đẩy quyền tự do kinh doanh luôn được Chính phủ quan tâm, chú trọng.

Luật Doanh nghiệp năm 1999 là cơ sở pháp lý đầu tiên thể hiện bước tiến cải cách về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh. Theo đó, Luật Doanh nghiệp đã tác động đến sự thay đổi về quyền tự do kinh doanh, góp phần thiết lập môi trường kinh doanh bình đẳng, công bằng và không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế. Đối với ngành nghề kinh doanh, Luật Doanh nghiệp năm 1999 quy định rõ: “1. Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp được tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành, nghề không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này...”

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề mà luật, pháp lệnh hoặc nghị định quy định phải có điều kiện, thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh các ngành, nghề đó khi có đủ các điều kiện theo quy định”¹.

Như vậy, ngay từ Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã quy định điều kiện kinh doanh phải được quy định trong Luật, Pháp lệnh hoặc Nghị định; doanh nghiệp được tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Trên tinh thần đó, Luật Doanh nghiệp được sửa đổi trong các năm 2005, 2014 và 2020 tiếp tục nhấn mạnh quyền tự do kinh doanh; thể hiện là nền tảng pháp lý tiên tiến, tạo đột phá về thủ tục hành chính cấp phép thành lập doanh nghiệp và mô hình hoạt động kinh doanh ở Việt Nam.

Từ năm 2014, Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV Luật Đầu tư và Ngành nghề cấm đầu tư, kinh doanh được quy định tại Điều 6 của Luật này. Đây là cách tiếp cận đột phá về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, chuyển từ “chọn - cho” sang “chọn - bỏ”; theo đó hiện thực hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tự do kinh doanh của người dân trong ngành nghề mà luật không cấm². Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ rà soát các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung. Danh mục này gồm 267 ngành nghề (theo Luật Đầu tư năm 2014); được sửa đổi còn 243 ngành nghề (theo Luật số 03/2016/QH14³); và còn 227 ngành, nghề (theo Luật Đầu tư năm 2020). Tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022⁴ bổ sung ngành, nghề số thứ tự 132a⁵ vào sau số thứ tự 132 của Phụ lục IV. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện năm 2022 bổ sung thêm ngành “Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên”⁶. Như vậy,

¹ Điều 6 Luật Doanh nghiệp 1999 quy định: “1. Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp được tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành, nghề không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Cấm kinh doanh các ngành, nghề gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và sức khoẻ của nhân dân. Chính phủ công bố danh mục cụ thể ngành, nghề cấm kinh doanh.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề mà luật, pháp lệnh hoặc nghị định quy định phải có điều kiện, thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh các ngành, nghề đó khi có đủ các điều kiện theo quy định.

4. Đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề mà luật, pháp lệnh hoặc nghị định đòi hỏi phải có vốn pháp định hoặc chứng chỉ hành nghề, thì doanh nghiệp đó chỉ được đăng ký kinh doanh khi có đủ vốn hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật”.

² Điều 33 Hiến pháp 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm”

³ Luật số 03/2016/QH14 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

⁴ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự.

⁵ Bổ sung ngành Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự).

⁶ Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

hiện nay, Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện là 229 ngành. Những thay đổi của Luật Đầu tư góp phần minh bạch hóa môi trường đầu tư kinh doanh.

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2021-2030, Chính phủ một lần nữa khẳng định cắt giảm danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện và cải cách điều kiện kinh doanh tiếp tục là nội dung trọng tâm cải cách. Theo đó, tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022, Chính phủ giao nhiệm vụ các Bộ, ngành: *“Nghiên cứu, rà soát danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện; kiến nghị các phương án gồm: (i) Thu hẹp phạm vi của một số ngành nghề; (ii) Đưa ngành nghề ra khỏi danh mục nếu có biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn; (iii) Đưa các ngành nghề ra khỏi danh mục nếu yêu cầu quản lý thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn, không có mục tiêu quản lý hoặc mục tiêu quản lý không rõ ràng... Kiểm soát việc đề nghị bổ sung ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh mới”*.

2. Về điều kiện kinh doanh

Đi kèm với ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện là tập hợp các điều kiện kinh doanh. Theo kết quả rà soát độc lập năm 2016 của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tổng số điều kiện kinh doanh đến hết năm 2016 khoảng 6000 điều kiện kinh doanh; trong đó khoảng 3000 điều kiện kinh doanh không cần thiết, không rõ ràng, không hợp lý, không có hiệu quả về quản lý nhà nước hoặc can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những điều kiện kinh doanh như vậy thường được thể hiện dưới hình thức quy định về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực, đề án, quy hoạch,...

Giai đoạn 2016-2018, nhìn chung các bộ đã tiến hành rà soát, đề xuất phương án và xây dựng các dự thảo Nghị định cắt giảm, sửa đổi điều kiện kinh doanh. Cho đến hết năm 2019, hầu hết các Nghị định sửa đổi về điều kiện kinh doanh đã được ban hành (dưới hình thức một Nghị định sửa nhiều Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh). Một số ít bộ, ngành xây dựng và trình dự thảo các Nghị định sửa đổi riêng từng Nghị định.

Theo báo cáo tổng hợp của Văn phòng Chính phủ (tháng 5 năm 2019), các bộ, ngành đã trình ban hành 29 văn bản quy phạm pháp luật để chính thức cắt bỏ và đơn giản hóa 3.425/6.191 điều kiện kinh doanh⁷. Tuy vậy, chỉ một phần điều

1. Bổ sung mục 228 vào sau mục 227 của Phụ lục IV Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15 và Luật số 08/2022/QH15 như sau:

“Đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên”.

⁷ Báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính 4 tháng đầu năm 2019.

kiện kinh doanh được bãi bỏ, đa số điều kiện kinh doanh sửa đổi theo hướng đơn giản hóa hơn dưới hình thức giảm bớt mức độ yêu cầu (ví dụ, giảm số lượng nhân sự, giảm số năm kinh nghiệm,...). Trong giai đoạn này, cải cách chủ yếu ở cấp Nghị định, chưa rà soát và kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi ngành nghề và điều kiện kinh doanh ở cấp độ văn bản luật.

Có thể nói, điều kiện kinh doanh được ghi nhận cải cách mạnh mẽ trong giai đoạn 2016-2018. Những cải cách này chắc chắn có tác động rất tích cực tới môi trường kinh doanh ở nước ta, góp phần củng cố niềm tin của doanh nghiệp; nhờ đó thúc đẩy tăng đầu tư, tạo việc làm và tăng trưởng của nền kinh tế.

Tuy vậy, từ năm 2019, nhất là từ năm 2020 đến nay, cải cách môi trường kinh doanh nói chung và ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh nói riêng có xu hướng chững lại. Điều kiện kinh doanh vẫn tạo nhiều rào cản, hạn chế về quyền tự do kinh doanh và ẩn chứa rủi ro đối với doanh nghiệp. Kết quả khảo sát Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là PCI) 2021 cũng chỉ ra rằng doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh, làm gia tăng các chi phí đối với doanh nghiệp. Đáng chú ý là:

- Khoảng 61% doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép kinh doanh có điều kiện.
- Những phiền hà về cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện là nguyên nhân khiến khoảng 21,7% doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh.
- Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức còn cao trong hoạt động cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (61,36%).

Kết quả khảo sát PCI 2022 về Mức độ đồng ý của doanh nghiệp đối với một số nhận định về cải cách cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý đều chưa tới 30% và kết quả doanh nghiệp cảm nhận về cải cách năm 2022 sụt giảm so với 2021.

Những vấn đề nêu trên phản ánh chi phí tuân thủ các điều kiện kinh doanh vẫn là gánh nặng lớn đối với doanh nghiệp. Do đó, cần nhiều nỗ lực cải cách và tâm huyết của các cơ quan quản lý nhà nước về tháo gỡ điểm nghẽn này; đồng thời thay đổi tư duy cải cách theo hướng tạo lập thể chế minh bạch, thuận lợi và thúc đẩy tuân thủ của doanh nghiệp.

II. RÀ SOÁT NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Trên cơ sở rà soát sơ bộ ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc 15 lĩnh vực quản lý nhà nước⁸, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

⁸ Gồm: Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Ngân hàng nhà nước, An ninh Quốc phòng.

1. Số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện trên thực tế lớn hơn số lượng (229 ngành) theo danh mục thuộc Phụ lục IV Luật Đầu tư

a) Về hình thức, số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện liệt kê trong Danh mục thuộc Phụ lục IV Luật Đầu tư (229 ngành nghề) ít hơn so với số lượng ngành nghề có quy định về điều kiện kinh doanh tại pháp luật chuyên ngành. Như vậy, việc “cắt giảm Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện”, từ 267 ngành nghề (Luật Đầu tư năm 2014) xuống 243 ngành nghề (theo Luật số 03/2016/QH14) và hiện nay là 229 ngành nghề (theo Luật Đầu tư năm 2020, Luật số 03/2022/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện năm 2022) chưa thực chất; số lượng ngành nghề được thu gọn chủ yếu dưới hình thức gộp tên ngành nghề hoặc sử dụng tên ngành nghề có phạm vi điều chỉnh rộng hơn.

Nếu theo Danh mục của Luật Đầu tư là “ngành nghề tổng hợp” thì các văn bản pháp luật chuyên ngành phân tiếp thành “ngành nghề chi tiết” gồm “ngành nghề chi tiết cấp 1”, “ngành nghề chi tiết cấp 2”, “ngành nghề chi tiết cấp 3”,... Danh mục của Luật Đầu tư chỉ có 229 ngành, nhưng số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện trên thực tế gấp vài lần.

Với cách xác định tên ngành nghề tại Danh mục của Luật Đầu tư như hiện nay đã tạo cơ hội cho việc mở rộng ngành nghề kinh doanh có điều kiện ở các văn bản pháp luật chuyên ngành. Đơn cử, trong 34 ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì có tới 22 ngành (ngành nghề tổng hợp) chứa đựng “ngành nghề chi tiết cấp 1, cấp 2” được thể hiện tại các văn bản pháp luật chuyên ngành.

Ví dụ, Luật Đầu tư năm 2020 chỉ quy định 01 “ngành nghề tổng hợp” có tên “*Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi*”, nhưng tại pháp luật chuyên ngành (cụ thể là Luật Thủy sản và Luật Chăn nuôi) gồm 02 “ngành chi tiết cấp 1”, đó là “thức ăn thủy sản” và “thức ăn chăn nuôi”. Có thể nói, việc đặt tên ngành này tại Luật Đầu tư là sự lắp ghép cơ học của hai lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, gồm thủy sản và chăn nuôi, mà không có sự gắn kết nào về yêu cầu quản lý nhà nước.

Tiếp đến, trong lĩnh vực *kinh doanh thức ăn thủy sản*, Luật Thủy sản năm 2017 quy định điều kiện kinh doanh đối với 02 “ngành chi tiết cấp 2”, gồm:

(1) Sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Điều 32).

(2) Mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Điều 33).

Trong lĩnh vực *thức ăn chăn nuôi*, Luật Chăn nuôi năm 2018 quy định về điều kiện kinh doanh đối với 04 “ngành chi tiết cấp 2”, gồm:

- (1) Sản xuất thức ăn chăn nuôi (Điều 38).
- (2) Mua bán thức ăn chăn nuôi (Điều 40).
- (3) Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi (Điều 41).
- (4) Xuất khẩu thức ăn chăn nuôi (Điều 42).

Như vậy, mặc dù Luật Đầu tư năm 2020 chỉ quy định chung là ngành nghề “Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi”, nhưng bao phủ tới 06 ngành nghề cụ thể theo pháp luật chuyên ngành và thậm chí có thể tiếp tục được mở rộng hơn.

Một ví dụ khác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Văn hoá Thể thao và Du lịch là “*Kinh doanh dịch vụ lưu trú*”. Luật Đầu tư chỉ quy định là 01 “ngành tổng hợp”, nhưng theo pháp luật chuyên ngành (Luật Du lịch 2017), dịch vụ lưu trú bao gồm 08 “ngành chi tiết cấp 1”. Đó là:

- (1) Khách sạn.
- (2) Biệt thự du lịch.
- (3) Căn hộ du lịch.
- (4) Tàu thủy lưu trú du lịch.
- (5) Nhà nghỉ du lịch.
- (6) Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.
- (7) Bãi cắm trại du lịch.
- (8) Các cơ sở lưu trú du lịch khác.

Theo đó, Luật Du lịch năm 2017, Nghị định số 168/2017/NĐ-CP⁹ và Nghị định số 142/2018/NĐ-CP¹⁰ đã quy định chi tiết điều kiện kinh doanh cho các ngành nghề này.

Trên đây chỉ là một số ví dụ về việc mở rộng ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Số lượng ngành nghề chi tiết cấp 1, cấp 2 tại các văn bản pháp luật chuyên ngành gấp nhiều lần số lượng ngành nghề tổng hợp được quy định tại Luật Đầu tư. Có thể nhận định rằng tên ngành nghề tại Danh mục của Luật Đầu tư rất chung và rộng, tạo cơ hội cho việc mở rộng ngành nghề kinh doanh có điều kiện ở các văn bản pháp luật chuyên ngành.

⁹ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

¹⁰ Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

b) Đáng chú ý, tên một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Danh mục Phụ lục IV của Luật Đầu tư đơn thuần là gộp tên các ngành, lắp ghép cơ học, không gắn kết, không logic. Ví dụ như:

- Ngành nghề “Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi”, thực chất là 02 loại ngành nghề quản lý khác nhau, gồm: “thức ăn thủy sản” và “thức ăn chăn nuôi”.

- Ngành nghề “Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi” là sự lắp ghép cơ học của hai ngành “Khảo nghiệm thức ăn thủy sản” và “Khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi”.

- Ngành nghề “Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi”, thực chất là 02 loại ngành nghề quản lý khác nhau, đó là: “chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản” và “chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong chăn nuôi”.

- Ngành nghề “Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi” thể hiện sự lắp ghép, gộp cơ học ngành nghề quản lý (đó là quản lý giống cây trồng và quản lý giống vật nuôi).

- Ngành nghề “Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi” cũng thể hiện sự lắp ghép cơ học ngành nghề thành phần.

- Ngành nghề “Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi” thể hiện sự lắp ghép cơ học các ngành nghề thành phần thuộc lĩnh vực thủy sản và chăn nuôi.

c) Ngành nghề kinh doanh có điều kiện với tên gọi chung, phạm vi bao trùm rộng dẫn tới có những “ngành nghề chi tiết” dù không cần thiết phải quy định thành ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhưng phải chịu sự quản lý bởi các điều kiện kinh doanh. Ví dụ như: “Kinh doanh vàng” được xác định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Phụ lục IV Luật Đầu tư. Ngành nghề này bao gồm “ngành nghề chi tiết” là “kinh doanh vàng, trang sức, thủ công mỹ nghệ”. Nghị định 24/2012/NĐ-CP¹¹ có quy định về điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. Tuy nhiên, về bản chất, vàng trang sức thủ công mỹ nghệ được xem là loại hàng hóa thông thường. Kinh doanh loại hàng hóa này không gây nguy hại đến lợi ích cộng đồng để phải cần kiểm soát hay tác động tới điều hành kinh tế vĩ mô như các loại vàng khác trong cùng nhóm “Kinh doanh vàng”. Trong quá trình thực thi Nghị định 24/2012/NĐ-CP, các doanh nghiệp kinh doanh vàng đã nhiều lần kiến nghị về việc loại bỏ hoạt động

¹¹ Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng

kinh doanh vàng trang sức, thủ công mỹ nghệ ra khỏi Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

2. Số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc một số lĩnh vực quản lý nhà nước cũng tăng lên qua mỗi đợt sửa đổi Danh mục

Số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện trên một số lĩnh vực quản lý nhà nước cũng tăng lên qua mỗi đợt sửa đổi Danh mục Phụ lục IV của Luật Đầu tư. Ví dụ như trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nếu như tại Luật Đầu tư năm 2014, ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực này được quy định chi tiết, cụ thể, tương ứng với ngành nghề quy định tại pháp luật chuyên ngành, thì từ năm 2016 (khi sửa đổi Phụ lục IV Luật Đầu tư) và cho tới Luật Đầu tư năm 2020 thì ngành nghề kinh doanh có điều kiện có xu hướng gộp lại và phạm vi điều chỉnh rộng hơn; hoặc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh có điều kiện mới (tham khảo Phụ lục 5 của Báo cáo).

3. Có sự khác biệt, không thống nhất về tên ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư và pháp luật chuyên ngành

Rà soát cho thấy còn có khác biệt về tên ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Danh mục Phụ lục IV của Luật Đầu tư với tên ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại pháp luật chuyên ngành. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư năm 2020:

“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Đầu tư và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh hoặc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư.

*Quy định về tên ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong các luật khác phải **thống nhất** với Điều 6 và các Phụ lục của Luật Đầu tư”*

Như vậy, tên ngành nghề quy định tại pháp luật chuyên ngành phải thống nhất với tên tại Danh mục của Luật Đầu tư. Tuy nhiên, cách đặt tên như hiện nay tại Luật Đầu tư có phạm vi rất rộng; và nhờ đó pháp luật chuyên ngành có thể tiếp tục mở rộng ngành nghề. Mặt khác, cần làm rõ khái niệm “*thống nhất*” tại khoản 2 Điều 4 nêu trên của Luật Đầu tư 2020 để tránh tạo dư địa nói rộng ngành nghề.

Rà soát cho thấy nhiều ngành nghề quy định tại Danh mục không thống nhất với tên ngành nghề có yêu cầu về điều kiện kinh doanh quy định tại pháp luật chuyên ngành; thậm chí khác biệt về tên ngành nghề. Ví dụ như: Luật Đầu tư quy định ngành “Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen”, nhưng pháp luật chuyên ngành

(Nghị định số 69/2010/NĐ-CP¹² và Nghị định số 118/2020/NĐ-CP¹³) quy định điều kiện kinh doanh đối với 04 ngành tương ứng, bao gồm: (i) Khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen; (ii) Sản xuất, kinh doanh sinh vật biến đổi gen sử dụng để phóng thích; (iii) Sản xuất, kinh doanh sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thực phẩm; và (iv) Sản xuất, kinh doanh sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thức ăn chăn nuôi.

4. Ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư nhưng không tìm thấy ngành nghề tương ứng tại pháp luật chuyên ngành

Rà soát ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy có tên ngành nghề quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 nhưng không tìm thấy ngành nghề tương ứng tại pháp luật chuyên ngành. Ví dụ như: Danh mục của Luật Đầu tư có 02 ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, đó là: (i) Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật; (ii) Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y. Tuy nhiên, Luật Thú y không có tên hai ngành nghề này mà chỉ quy định về “hành nghề thú y”.

Điều 107 Luật Thú y 2015 quy định các loại hình hành nghề thú y, gồm:

- (1) *Tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.*
- (2) *Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật.*
- (3) *Buôn bán thuốc thú y.*
- (4) *Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y.*

Tên ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Luật Thú y năm 2015 không thống nhất với tên ngành nghề “Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y” theo Luật Đầu tư. Mặt khác, ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực thú y ngày càng mở rộng hơn so với trước. Điều này cho thấy mức độ phức tạp, không thống nhất, không logic của các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh dẫn tới thiếu minh bạch và làm tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

5. Ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật Đầu tư, nhưng Chính phủ chưa quy định về điều kiện kinh doanh tương ứng

¹² Nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 của Chính phủ quy định về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen.

¹³ Nghị định số 118/2020/NĐ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 69/2010/NĐ-CP ngày 21/6/2010 của chính phủ về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen.

Một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư, nhưng hiện tại Chính phủ chưa quy định về điều kiện kinh doanh tương ứng. Ví dụ:

- Lĩnh vực An ninh quốc phòng có 01 ngành chưa quy định điều kiện kinh doanh, đó là: Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự).

- Lĩnh vực Xây dựng: Kinh doanh nước sạch.

- Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 02 ngành chưa quy định điều kiện kinh doanh, đó là: (i) Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá; và (ii) Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

6. Ngành nghề kinh doanh đã được đưa ra khỏi Danh mục Phụ lục IV của Luật Đầu tư, nhưng Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh vẫn còn hiệu lực thi hành

a) Một số ngành nghề đã được bãi bỏ khỏi Danh mục của Luật Đầu tư năm 2020, nhưng Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh vẫn còn hiệu lực thi hành. Ví dụ như:

- Luật Đầu tư năm 2020 đã đưa “Nhượng quyền thương mại” ra khỏi Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, điều kiện đối với hoạt động nhượng quyền thương mại quy định tại Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày 31/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương vẫn còn hiệu lực thi hành.

- Luật Đầu tư năm 2020 đã đưa “Kinh doanh dịch vụ logistics” ra khỏi Danh mục Phụ lục IV. Tuy nhiên, điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics quy định tại Nghị định 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics vẫn còn hiệu lực thi hành.

b) Đáng chú ý là Danh mục của Luật Đầu tư năm 2020 đã bãi bỏ rất nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực y tế so với phiên bản năm 2016, 2014. Tuy nhiên, hầu hết các ngành đưa ra khỏi Danh mục vẫn là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và vẫn được điều chỉnh bởi các Nghị định liên quan. Ví dụ như:

- Luật Đầu tư năm 2020 đã đưa “kinh doanh dịch vụ tiêm chủng” ra khỏi Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, các điều kiện đối với cơ sở tiêm chủng cố định, điểm tiêm chủng lưu động quy định tại Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm

chúng và Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế vẫn còn hiệu lực thi hành.

- Luật Đầu tư năm 2020 đã đưa “Kinh doanh dịch vụ ngân hàng mô” ra khỏi Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Tuy nhiên, điều kiện hoạt động và cấp Giấy phép hoạt động ngân hàng mô quy định tại Nghị định 56/2008/NĐ-CP ngày 29/4/2008 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của Ngân hàng mô và Trung tâm điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người; Nghị định 118/2016/NĐ-CP ngày 22/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2008/NĐ-CP ngày 29/4/2008 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của ngân hàng mô và trung tâm điều phối quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người và Nghị định 155/2018/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực thi hành.

7. Không nhất quán trong xác định ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Theo Luật an toàn thực phẩm (ATTP) 2010, quản lý ATTP thuộc trách nhiệm của 03 Bộ gồm: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Theo Luật Đầu tư 2016 thì 03 ngành nghề kinh doanh thực phẩm thuộc 03 lĩnh vực quản lý nhà nước nêu trên vẫn có trong Phụ lục IV. Tuy nhiên, Luật Đầu tư năm 2020, tại Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì chỉ có 02 ngành nghề kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương (số thứ tự 48) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (số thứ tự 169); nhưng không có ngành nghề kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. Điều này được hiểu là kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế không phải là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Tuy nhiên, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP¹⁴ phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP đối với cả 03 bộ. Nghị định số 15/2018/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực thi hành và đang thực thi trên thực tế. Theo đó, Bộ Y tế vẫn thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP và là cơ quan đầu mối¹⁵. Khoản 4, Điều 37 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (về Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế) quy định: “*Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh và cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này*”. Đồng thời, các điều kiện đối với Cơ sở sản xuất, kinh

¹⁴ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

¹⁵ Khoản 1, Điều 41, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định: “*Các bộ quản lý ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Y tế trong việc thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước để bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm có hiệu quả.*”

doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định 155/2018/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực thi hành.

Như vậy, có sự không nhất quán trong việc xác định ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Danh mục của Luật Đầu tư.

8. Một số ngành nghề thiếu thuyết phục về sự cần thiết phải quy định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Theo khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2020, “*Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Điều này có nghĩa là ngành nghề kinh doanh có điều kiện sẽ đặt ra các điều kiện kinh doanh để đảm bảo: (i) an ninh quốc gia, (ii) an toàn xã hội, (iii) đạo đức xã hội và (iv) sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, đây cũng là vấn đề tạo ra nhiều tranh luận bởi mục tiêu “*đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” quá rộng và ngành nghề nào cũng có thể lập luận được về tiêu chí này. Rà soát ngành nghề kinh doanh có điều kiện cho thấy dường như thiếu vắng các báo cáo đánh giá tác động thoả đáng để lý giải việc xác định ngành nghề theo 4 yếu tố này khi đưa vào Danh mục.

Việc tập hợp và đưa một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện vào Danh mục chủ yếu thiên về nhu cầu quản lý của các bộ ngành hơn là vì đảm bảo 4 yếu tố nêu trên, ví dụ như một số ngành nghề sau:

- Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Đây là loại dịch vụ thông thường, tương tự quản lý chi phí đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh khác.

- Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích: Ngành nghề này bao gồm 04 “ngành chi tiết cấp 1” trong pháp luật chuyên ngành (Nghị định 61/2016/NĐ-CP¹⁶). Một trong những điều kiện kinh doanh đối với những ngành nghề này là các tổ chức đã có Giấy chứng nhận hành nghề liên quan trong lĩnh vực xây dựng. Lĩnh vực Văn hoá Thể thao và Du lịch bổ sung thêm điều kiện kinh doanh về các chứng chỉ liên quan. Tuy nhiên, qua nghiên cứu và khảo sát cho thấy các chứng chỉ này không cần thiết, không có ý nghĩa về quản lý nhà nước (tham khảo thêm phân tích tại mục 2.5, phần III của Báo cáo).

¹⁶ Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

III. RÀ SOÁT ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Nhận xét chung về điều kiện kinh doanh

Trong giai đoạn 2016-2017, việc rà soát điều kiện kinh doanh rất phức tạp do quy định tại nhiều văn bản pháp lý khác nhau, khó tìm hiểu và nhận diện. Ở giai đoạn này, tồn tại rất nhiều điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng, can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh hoặc thậm chí thiếu cơ sở pháp lý (không hợp pháp).

Trong lần rà soát này (năm 2023), có thể ghi nhận một số kết quả và vấn đề đáng chú ý như sau:

a) Việc tìm hiểu điều kiện kinh doanh thuận lợi hơn, dễ theo dõi hơn bởi điều kiện kinh doanh của nhiều ngành nghề được tập hợp trong Văn bản hợp nhất hoặc Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành hoặc thể hiện qua các Điều cụ thể có tên “điều kiện kinh doanh” trong các văn bản pháp quy. Trong đó, điều kiện kinh doanh thuộc một số lĩnh vực như xây dựng được thiết kế có hệ thống, rõ ràng, dễ theo dõi.

b) Các điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng hoặc can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã giảm đáng kể.

c) Số lượng điều kiện kinh doanh giảm về hình thức (thể hiện qua việc giảm các điểm, khoản, mục hoặc gạch đầu dòng). Tuy nhiên, điều kiện kinh doanh dẫn chiếu quy định pháp luật liên quan hoặc dẫn chiếu căn cứ theo Quy chuẩn kỹ thuật (QCVN) hoặc dẫn chiếu theo pháp luật liên quan rất phổ biến. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để xác định số lượng điều kiện kinh doanh hiện có thực sự đã cắt giảm hơn so với trước đây hay không.

d) Mặc dù điều kiện kinh doanh được tập hợp trong một văn bản pháp quy, nhưng lại gồm nhiều điều kiện kinh doanh dẫn chiếu theo các quy định pháp luật liên quan khiến cho việc tìm hiểu, rà soát rất phức tạp và công phu. Điều kiện kinh doanh chứa đựng điều kiện kinh doanh. Sự phức tạp này cho thấy mức độ khó khăn, nặng nề và chi phí tuân thủ cao của các doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

đ) Theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, điều kiện kinh doanh phải được quy định tại văn bản từ cấp Nghị định trở lên. Tuy nhiên, rà soát một số ngành nghề cho thấy, điều kiện kinh doanh được lồng ghép khi ban hành các quy chuẩn kỹ thuật (cấp Thông tư do các Bộ, ngành ban hành).

e) Mặt khác, quá trình thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh trong thời gian qua mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, nhưng còn bộc lộ nhiều khó khăn, vướng mắc trong triển khai. Cụ thể như:

- Cách thức quản lý của cơ quan nhà nước vẫn còn nặng về phát hiện, tìm lỗi để xử lý vi phạm, chưa chú trọng đến việc hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện. Điều này khiến doanh nghiệp coi điều kiện kinh doanh là rào cản đối với họ chứ không phải là những yêu cầu cần thiết của quản lý để đảm bảo lợi ích chung của xã hội.

- Việc cấp phép, cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, kiểm soát tuân thủ điều kiện kinh doanh là dư địa tạo cơ chế xin – cho; vì thế, nhìn chung các bộ, ngành ít có động lực cắt bỏ hay đơn giản hóa.

- Cơ chế kiểm soát việc ban hành điều kiện kinh doanh chưa hiệu quả. Hơn nữa, còn thiếu cơ chế rõ ràng về trách nhiệm và chế tài đối với các bộ, ngành đề xuất ban hành điều kiện kinh doanh kém chất lượng, gây tổn thất về chi phí của doanh nghiệp và của xã hội.

2. Một số nhận xét chi tiết về điều kiện kinh doanh

2.1. Còn nhiều điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó xác định

Kết quả rà soát cho thấy vẫn còn nhiều điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó xác định. Ví dụ như:

Đối với *Sản xuất thực ăn thủy sản*, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản có quy định về điều kiện kinh doanh như sau: “... c) *Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm*”. Quy định này thiếu rõ ràng bởi xác định như thế nào là phù hợp. Nếu không có tiêu chí/tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng thì cần loại bỏ điều kiện kinh doanh này.

Tương tự, trong một số ngành nghề khác cũng có các quy định chung chung, thiếu rõ ràng, có thể dẫn tới nhiều rủi ro cho doanh nghiệp. Ví dụ:

- Đối với ngành *Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật*, một trong các điều kiện kinh doanh được quy định là: “*Cơ sở sản xuất thuốc có địa điểm, nhà xưởng, kho thuốc, bảo đảm về diện tích, khoảng cách an toàn cho người, vật nuôi và môi trường theo đúng quy định, phù hợp với quy mô sản xuất*” (Theo Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013 và Nghị định số 123/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp).

- Đối với ngành nghề *Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*, “*Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được thành lập khi có đề án bảo đảm các điều kiện sau đây*:

a) *Có cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính đáp ứng yêu cầu hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*;

b) *Có đội ngũ cán bộ quản lý và kiểm định viên đáp ứng yêu cầu hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*” (Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014, Nghị định 49/2018/NĐ-CP ngày 30/3/2018 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Đối với ngành nghề *Kinh doanh rượu*, tại khoản 6, Điều 8 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về Kinh doanh rượu quy định Điều kiện sản xuất rượu công nghiệp, trong đó có yêu cầu *“Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu”*. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về trình độ, chuyên môn của cán bộ kỹ thuật, dẫn đến khó khăn trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp.

2.2. Điều kiện kinh doanh lồng ghép và chứa đựng các giấy phép

Số lượng điều kiện kinh doanh có thể giảm về hình thức, nhưng thực chất không giảm bởi được dẫn chiếu bằng nhiều quy định khác nhau. Ví dụ ngành nghề *“kinh doanh dịch vụ lưu trú”* có các quy định về điều kiện chung như sau:

“1. Điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch bao gồm:

- a) Có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;*
- b) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;*
- c) Đáp ứng điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch”.*

Các quy định dẫn chiếu như trên khá phổ biến. Đây là một hình thức điều kiện kinh doanh chứa đựng “Giấy phép con”; “Giấy phép con” chứa đựng “Giấy phép cháu”. Có thể nói, hệ thống quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh hiện nay rất chằng chịt, đan xen, phạm vi điều chỉnh rất rộng.

2.3. Điều kiện kinh doanh không cần thiết

Đối với ngành nghề *Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật*, một trong các điều kiện kinh doanh được quy định là: *“Máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ phù hợp với loại thuốc bảo vệ thực vật được sản xuất”* (Theo Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013 và Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp). Quy định này không cần thiết, can thiệp sâu vào quy trình và công nghệ của doanh nghiệp. Điều quan trọng đối với cơ quan quản lý nhà nước là

quản lý chất lượng sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường thông qua việc ban hành các quy chuẩn hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật về sản phẩm.

Ngoài ra, *Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật* còn có điều kiện “*Có đủ trang thiết bị để kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật do mình sản xuất ra. Trường hợp không có đủ trang thiết bị thì phải có hợp đồng kiểm tra chất lượng với tổ chức được chỉ định kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với mỗi lô sản phẩm xuất xưởng*”. Yêu cầu này là không cần thiết do việc đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước ban hành là trách nhiệm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thiết bị để kiểm tra chất lượng hay thuê tổ chức được chỉ định thực hiện hoạt động này là việc doanh nghiệp tự lựa chọn. Không cần thiết phải có hợp đồng trước với tổ chức được chỉ định vì doanh nghiệp có thể lựa chọn đơn vị chỉ định khác nhau thực hiện kiểm tra chất lượng tùy theo thời điểm và theo thị trường. Chỉ nên đưa ra các quy chuẩn/tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường; còn việc thực hiện như thế nào là trách nhiệm của doanh nghiệp.

Tương tự, trong ngành nghề *Sản xuất thức ăn thủy sản*, một trong các điều kiện kinh doanh được quy định là: “*Có phòng thử nghiệm hoặc có thuê phòng thử nghiệm đủ năng lực để kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất*” (Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản). Việc đảm bảo điều kiện phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất là trách nhiệm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể áp dụng các quy trình, cách thức khác nhau để tuân thủ theo các quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật trong kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước là đảm bảo chất lượng của sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường. Cơ quan nhà nước không nên can thiệp theo hướng quy định cứng nhắc việc có phòng thử nghiệm hay thuê phòng thử nghiệm; mà việc này do doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm và thực hiện. Nếu đưa ra điều kiện kinh doanh sẽ tạo thêm gánh nặng thủ tục hành chính khi cấp phép.

2.4. Điều kiện kinh doanh lồng ghép trong các quy chuẩn kỹ thuật

Rà soát cho thấy một số điều kiện kinh doanh trong một số ngành nghề được lồng ghép vào các quy chuẩn kỹ thuật. Thực trạng này khiến điều kiện kinh doanh dễ dàng được quy định và việc giám sát ban hành điều kiện kinh doanh khó khăn hơn.

Ví dụ, theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Dược năm 2016, các cơ sở kinh doanh dược phải đáp ứng “Thực hành tốt”¹⁷ tương ứng với từng hoạt động

¹⁷ Theo khoản 37 Điều 2 Luật Dược: “Thực hành tốt là bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn về sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, lưu thông thuốc, kê đơn thuốc, thử thuốc trên lâm sàng, nuôi trồng, thu hái dược liệu và các bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn khác do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc công bố áp dụng trên cơ sở hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới hoặc của các tổ chức quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên hoặc công nhận”.

kinh doanh. “Thực hành tốt” đặt ra các yêu cầu về cơ sở vật chất, nhân lực. Ví dụ, Bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc, sản xuất nguyên liệu làm thuốc yêu cầu về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của nhân sự, các yêu cầu về nhà xưởng và thiết bị. Cách thức thiết kế các yêu cầu này trong bộ nguyên tắc “Thực hành tốt” có nhiều điểm tương tự như cách thức thiết kế điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Như vậy, có thể thấy các yêu cầu trong bộ nguyên tắc “Thực hành tốt” có tính chất tương tự như điều kiện kinh doanh.

2.5. Ngành nghề kinh doanh có điều kiện yêu cầu quá nhiều chứng chỉ

Chỉ riêng lĩnh vực hành nghề hoạt động xây dựng có tới 22 loại chứng chỉ. Cụ thể gồm các chứng chỉ: (1) Khảo sát xây dựng – 2 loại; (2) Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; (3) Thiết kế xây dựng – 11 loại; (4) Giám sát thi công xây dựng - 4 loại; (5) Định giá xây dựng; và (6) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình – 3 loại. Chứng chỉ hành nghề có hiệu lực 05 năm khi cấp lần đầu hoặc cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ, gia hạn chứng chỉ (Khoản 5, Điều 62, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng). Theo phản ánh của doanh nghiệp, việc quy định cứ sau 5 năm cá nhân phải thi, xét cấp lại chứng chỉ hành nghề xây dựng là không cần thiết, gây tốn kém thời gian và chi phí. Do đó, chỉ nên xét cấp lại với trường hợp muốn lên hạng, hoặc bổ sung chức năng hành nghề. Đồng thời, cần xem xét và quy định các trường hợp được cấp chứng chỉ hành nghề mà không phải qua kỳ sát hạch.

Lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch cũng quy định các loại chứng chỉ. Rà soát cho thấy nhiều chứng chỉ không rõ mục tiêu quản lý nhà nước; và chứng chỉ hoàn toàn do cơ quan quản lý nhà nước cấp. Đơn cử như:

- Chứng chỉ hành nghề kinh doanh mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;
- Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích;
- Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích;
- Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích;
- Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích.

Các chứng chỉ hành nghề liên quan tới lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có thẩm quyền cấp. Theo đó, các cá nhân có chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Quy định này cho thấy

“chứng chỉ” lồng ghép trong “chứng chỉ”, thể hiện yêu cầu điều kiện kinh doanh là hàng loạt các quy định đan xen. Hơn nữa, việc quy định hoàn thành chương trình bồi dưỡng và cấp chứng chỉ là không cần thiết, không có ý nghĩa về quản lý nhà nước; gây lãng phí về thời gian và chi phí của doanh nghiệp. Thay vào đó, cơ quan quản lý nhà nước nên ban hành và công khai Sổ tay hướng dẫn về “lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích” để các doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện.

Trên thực tế, cá nhân có chứng chỉ không phải là tiêu chí để khách hàng lựa chọn mà chỉ đơn thuần đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Mặt khác, có những chứng chỉ hành nghề cấp cho các lĩnh vực khác nhau; nhưng nội dung đào tạo, sát hạch gần như nhau. Vì thế, cần rà soát lại các loại chứng chỉ để tránh hình thức, không thực chất, không đảm bảo hiệu quả và thậm chí trùng lặp về chuyên môn; gây lãng phí thời gian, chi phí của cá nhân, tổ chức tham gia hành nghề.

3. Một số bất cập cụ thể về điều kiện kinh doanh

Một số bất cập cụ thể về điều kiện kinh doanh được nhận diện và phân tích tại Phụ lục 1 của Báo cáo này.

IV. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở rà soát ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh thuộc 15 lĩnh vực quản lý nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện một số giải pháp sau đây nhằm nâng cao chất lượng cải cách danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh. Cụ thể là:

1. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện

a) Thống nhất áp dụng nguyên tắc chung khi lựa chọn ngành nghề kinh doanh có điều kiện như sau:

- Có báo cáo đánh giá tác động toàn diện khi đề xuất ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Tên của ngành nghề kinh doanh có điều kiện đề xuất đưa vào Danh mục thuộc Phụ lục IV của Luật Đầu tư phải chi tiết, cụ thể, minh bạch, dễ hiểu, dễ xác định; và tên của ngành nghề quy định tại pháp luật chuyên ngành phải thống nhất với tên ngành nghề quy định tại Luật Đầu tư. Tránh tình trạng đặt tên ngành nghề tại Danh mục của Luật Đầu tư theo hướng gộp tên các ngành nghề khác nhau; hoặc đặt tên chung để bao trùm và có thể mở rộng nhiều ngành nghề như hiện nay.

- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện không được quy định tại Danh mục thuộc Phụ lục IV của Luật Đầu tư nhưng pháp luật chuyên ngành có quy định, cần tiến hành rà soát, đánh giá tác động và kiến nghị sửa đổi Phụ lục IV của

Luật Đầu tư. Nếu cần thiết phải quy định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì kiến nghị bổ sung thêm những ngành nghề này vào Danh mục thuộc Phụ lục IV. Nếu không cần thiết phải quy định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc có biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn thì kiến nghị bãi bỏ ngành nghề này tại Phụ lục IV. Trường hợp bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh có điều kiện vào Danh mục của Luật Đầu tư phải có báo cáo đánh giá tác động cụ thể, dựa trên luận chứng khoa học và thực tiễn. Thực hiện nghiêm túc quy trình lấy ý kiến; đảm bảo lấy ý kiến rộng rãi đối với các đối tượng chịu tác động; thực hiện đối thoại công khai để tạo sự đồng thuận.

- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện có tên gọi chung, phạm vi bao trùm rộng thì yêu cầu các bộ, ngành đề xuất sửa đổi Danh mục thuộc Phụ lục IV của Luật Đầu tư theo hướng thu hẹp phạm vi ngành nghề; đồng thời quy định tên ngành nghề đảm bảo chi tiết, cụ thể, minh bạch, dễ hiểu, dễ xác định.

- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà: (i) yêu cầu quản lý thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn; hoặc (ii) mục tiêu quản lý không rõ ràng; hoặc (iii) có biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn thì yêu cầu các bộ, ngành đề xuất sửa đổi Danh mục thuộc Phụ lục IV của Luật Đầu tư theo hướng bãi bỏ những ngành nghề này tại Danh mục.

- Trường hợp cần thiết đề xuất bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có báo cáo đánh giá tác động toàn diện.

b) Giao bộ, ngành quản lý các lĩnh vực được nêu tại Phụ lục II và Phụ lục III của Báo cáo thực hiện nghiên cứu, rà soát để kiến nghị bãi bỏ hoặc thu hẹp phạm vi các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Trong đó:

- Giao các Bộ (gồm Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) nghiên cứu, rà soát để kiến nghị bãi bỏ một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện nêu tại Phụ lục II của Báo cáo.

- Giao các Bộ (gồm Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội; Công thương; Khoa học và Công nghệ) nghiên cứu, rà soát để kiến nghị thu hẹp phạm vi các ngành nghề kinh doanh có điều kiện nêu tại Phụ lục III của Báo cáo.

2. Đối với điều kiện kinh doanh

a) Thống nhất áp dụng nguyên tắc về rà soát điều kiện kinh doanh và kiến nghị sửa đổi các văn bản pháp luật liên quan như sau:

- Đối với các điều kiện kinh doanh nếu nhận diện là: (i) không hợp pháp (quy định tại các văn bản dưới Nghị định); hoặc (ii) không cần thiết, không khả thi,

không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng; hoặc (iii) có thể thay bằng biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn thì kiến nghị bãi bỏ.

- Đối với các điều kiện kinh doanh không phù hợp với thực tiễn hoặc can thiệp sâu vào hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, giảm chi phí tuân thủ và đảm bảo không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với các điều kiện kinh doanh được quy định chung chung, không rõ ràng, thiếu cụ thể thì kiến nghị sửa đổi để đảm bảo điều kiện kinh doanh phải cụ thể, minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu và khả thi. Trong trường hợp không xác định được các điều kiện, tiêu chí cụ thể, minh bạch thì kiến nghị bãi bỏ điều kiện kinh doanh này.

- Một số yêu cầu không cần thiết quy định thành điều kiện kinh doanh thì kiến nghị bãi bỏ hoặc đưa vào Tài liệu hướng dẫn hay tiêu chuẩn kỹ thuật để doanh nghiệp tự nguyện tham gia.

b) Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện được nêu tại Danh mục Phụ lục IV của Luật Đầu tư mà chưa có văn bản pháp lý quy định về điều kiện kinh doanh thì giao các bộ, ngành chịu trách nhiệm quản lý nhà nước chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan:

- Nghiên cứu và đánh giá tác động toàn diện để cân nhắc xem những ngành nghề đó có thật sự cần thiết phải quy định về điều kiện kinh doanh theo các tiêu chí quy định tại Khoản 1, Điều 7 Luật Đầu tư¹⁸ hay có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.

- Trường hợp những ngành nghề này cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh thì các bộ, ngành liên quan khẩn trương dự thảo văn bản pháp luật trình Chính phủ phê duyệt.

c) Giao các bộ, ngành rà soát, kiến nghị bãi bỏ các chứng chỉ không cần thiết; thu gọn các loại chứng chỉ có trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội. Thực hiện phân cấp việc đào tạo, sát hạch và cấp chứng chỉ; đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động này.

Giao các bộ, ngành quản lý lĩnh vực có các quy định về chứng chỉ được nêu tại Phụ lục IV của báo cáo (gồm Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Xây dựng) nghiên cứu, rà soát hệ thống các chứng chỉ liên quan và kiến nghị bãi bỏ, đơn giản hoá hoặc tích hợp các chứng chỉ nhằm tiết giảm chi phí quản lý nhà nước cũng như gánh nặng chi phí không hiệu quả của xã hội.

¹⁸ Khoản 1, Điều 7 Luật Đầu tư 2020 quy định: “Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.”

d) Đối với điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực cụ thể, giao các bộ, ngành liên quan thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương:

+ Khẩn trương nghiên cứu, phân loại mức độ rủi ro về phòng cháy chữa cháy và đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan theo hướng phù hợp với mức độ rủi ro của hoạt động sản xuất, kinh doanh; phù hợp với đặc điểm vị trí, địa lý hoặc đặc thù của dự án, công trình, phương tiện. Giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong thủ tục thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy. Hoàn thành trong tháng 3 năm 2024.

- Giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương:

+ Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản pháp luật để không tạo thêm gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp; tháo gỡ những bất cập về điều kiện kinh doanh trong kinh doanh vận tải đường bộ bằng xe ô tô và trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch lái xe.

+ Chỉ đạo các cơ quan địa phương thực hiện các giải pháp đảm bảo hạ tầng đồng bộ, đủ năng lực tiếp nhận, khai thác và sử dụng dữ liệu kết nối từ doanh nghiệp. Trong trường hợp chưa chuẩn bị đủ hạ tầng cần thiết để tiếp nhận, sàng lọc và hệ thống hoá dữ liệu thì đề xuất, kiến nghị Chính phủ tạm dừng áp dụng các điều kiện kinh doanh về lắp camera đối với xe ô tô kinh doanh vận tải cho đến khi cơ quan quản lý nhà nước đảm bảo hạ tầng hoàn thiện. Hoàn thành trước tháng 6 năm 2024.

3. Về tổ chức thực hiện

- Giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, địa phương nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát chặt chẽ việc đề xuất, bổ sung ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh khi ban hành văn bản pháp luật mới hay sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư đôn đốc, theo dõi và phối hợp với các bộ, ngành thực hiện rà soát ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh; kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các khó khăn, vướng mắc.

- Giao các bộ, cơ quan Trung ương thường xuyên cập nhật ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đồng thời, cập nhật các

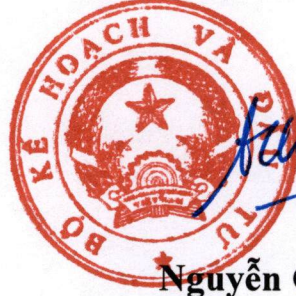
văn bản quy phạm pháp luật liên quan lên cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận.

Trên đây là Báo cáo rà soát về ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc 15 lĩnh vực quản lý nhà nước. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, QLKTTW *y6*

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục I

MỘT SỐ BẮT CẬP VỀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

(Kèm theo Báo cáo số 1031/BC-BKHĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024)

Phụ lục này tập hợp một số bắt cập trong thực tiễn khi áp dụng các quy định về điều kiện kinh doanh.

I. BẮT CẬP VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

1. Đối với doanh nghiệp xây dựng mới hoặc mở rộng nhà máy, sau khi Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC được ban hành, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xin thẩm duyệt và nghiệm thu phòng cháy chữa cháy từ cơ quan Công an PCCC do quy cách mẫu kết cấu và phương pháp thử nghiệm chi tiết liên quan đến sơn chống cháy vẫn chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể.

2. Việc kiểm định các thiết bị PCCC theo quy chuẩn mới QCVN 06:2022/BXD theo Thông tư 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2022: Bộ Xây dựng chưa có hướng dẫn cụ thể, các phòng thí nghiệm cũng chưa sẵn sàng đáp ứng việc kiểm định theo tiêu chuẩn mới nên không thể xin được thẩm duyệt và nghiệm thu PCCC để đưa công trình xây dựng nhà xưởng vào sử dụng.

Ngoài ra, Quy chuẩn PCCC không phù hợp gây khó khăn cho doanh nghiệp trong thời gian qua vì chi phí thực hiện quá cao và nhiều yêu cầu chưa hợp lý và không cần thiết. Trên phạm vi toàn quốc còn có 38.140 công trình/cơ sở hiện hữu trên tổng số 1.182.722 công trình/cơ sở được rà soát đã đưa vào sử dụng còn tồn tại vi phạm về PCCC không có khả năng áp dụng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC ở thời điểm đưa vào sử dụng (theo thống kê của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 2138/BXD-KHCN ngày 26/5/2023 về việc góp ý kiến phối hợp đối với dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ cho các công trình hiện hữu trong công tác phòng cháy và chữa cháy).

Từ các vi phạm nêu trên, các công trình/cơ sở hiện hữu vi phạm đã bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về PCCC. Điều này đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương và ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm, sinh kế của một bộ phận không nhỏ người lao động trên cả nước.

3. Một số dự án, công trình đã được chấp thuận thiết kế cơ sở hoặc thẩm duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công theo quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn phiên bản cũ. Nay khi Chủ đầu tư điều chỉnh nhỏ trong thiết kế mà

không tăng quy mô công trình,... đòi hỏi phải áp dụng theo các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, dẫn đến có một số nội dung khó thực hiện đảm bảo theo quy định.

a) Đối với các dự án, công trình đã được chấp thuận thiết kế cơ sở hoặc thẩm duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công theo quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng trước đây, khoản 1 Điều 166 Luật Xây dựng năm 2014 đã quy định chuyển tiếp: *“Dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thì không phải phê duyệt lại, các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định của Luật này”*. Điểm d Khoản 3 Điều 3 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng quy định: *“Công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trước ngày 15 tháng 8 năm 2020 có yêu cầu cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14 thì tiếp tục thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo quy định”*. Khoản 4 Điều 166 Luật Xây dựng năm 2014 và Điểm h Khoản 3 Điều 3 Luật số 62/2020/QH14 đã quy định giao cho Chính phủ quy định việc xử lý chuyển tiếp. Do đó, việc áp dụng quy định xử lý chuyển tiếp được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng trong trường hợp Nghị định của Chính phủ không có quy định chi tiết thêm.

b) Mục 7.2 của QCVN 06:2021/BXD quy định chuyển tiếp như sau: *“7.2 Quy định chuyển tiếp Hồ sơ thiết kế xây dựng được thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi quy chuẩn này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt. Hồ sơ thiết kế xây dựng được thẩm duyệt sau thời điểm quy chuẩn này có hiệu lực phải tuân thủ các quy định trong quy chuẩn này”*.

Mục 7.1 của QCVN 06:2022/BXD quy định chuyển tiếp như sau:

“7.1 Quy định chuyển tiếp

7.1.1 Hồ sơ thiết kế xây dựng đã được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi quy chuẩn này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý hoặc thẩm duyệt.

7.1.2 Hồ sơ thiết kế xây dựng được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kể từ thời điểm quy chuẩn này có hiệu lực thì phải tuân thủ các quy định của quy chuẩn này.”

Như vậy, điều kiện chuyển tiếp đã quy định về việc thực hiện thiết kế đã được thẩm duyệt hay chưa được thẩm duyệt. Đối với các thiết kế điều chỉnh, khi có

thay đổi mà cần được góp ý hoặc thẩm duyệt lại thì sẽ phải tuân thủ theo quy chuẩn hiện hành. Điều này gây khó khăn lớn cho các dự án khi điều chỉnh nhỏ về thiết kế.

4. Một số quy định về kích thước bãi quay xe, tránh xe quy định tại QCVN 06:2022/BXD chưa phù hợp với đặc điểm hiện trạng của từng khu vực (đặc thù vùng sông nước) và thực tế thông số phương tiện xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ hiện nay được trang bị cho các địa phương. Ngoài ra, quy định về thang thoát hiểm cũng chưa phù hợp với một số công trình quy mô nhỏ.

Thiết kế bãi quay xe được quy định tại điểm 6.4 của QCVN 06:2022/BXD như sau: *Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy và về xây dựng ban hành quy định liên quan đến các thông số kỹ thuật để thiết kế, cấu tạo đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy phù hợp với các đặc điểm của phương tiện chữa cháy tại địa phương quy định tại điểm 7.4 QCVN 06:2022/BXD.*

5. Một số bất cập khác theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2022 về việc ban hành QCVN 06:2022/BXD. Cụ thể là:

a) Tại Điều 3.2.6 quy định “*Các tầng nhà sau đây phải có không ít hơn hai lối ra thoát nạn:...*”. Tuy nhiên, các công trình bố trí, xây dựng tại các nhà mặt phố, dãy phố, nhà ở liền kề đã được xây dựng có 03 mặt tiếp giáp với công trình khác, 01 mặt tiếp giáp với đường giao thông thì việc khắc phục tồn tại nội dung bổ sung thêm 01 lối thoát nạn là rất khó thực hiện. Nếu Chủ cơ sở đưa ra giải pháp bổ sung thêm lối thoát nạn qua cầu thang loại 3 (cầu thang hở, ngoài nhà) đảm bảo các nội dung theo quy định về PCCC nhưng lại vi phạm các nội dung liên quan đến quy hoạch, xây dựng đô thị dẫn đến các cơ quan chuyên môn về xây dựng, quy hoạch không đồng ý cho phép thi công, lắp đặt.

b) Tại Điều 3.2.8 “*Khi có từ hai lối ra thoát nạn trở lên, chúng phải được bố trí phân tán và khi tính toán khả năng thoát nạn của các lối ra cần giả thiết là đám cháy đã ngăn cản không cho người sử dụng thoát nạn qua một trong những lối ra đó. Các lối ra còn lại phải bảo đảm khả năng thoát nạn an toàn cho tất cả số người có trong gian phòng, trên tầng hoặc trong nhà đó*”, “*khoảng cách này được hiểu khoảng cách giữa hai lối thoát nạn không được nhỏ hơn 1/2 đường chéo nhà hoặc gian phòng, giảm còn 1/3 khi công trình, gian phòng được trang bị hệ thống chữa cháy tự động*”. Tuy nhiên, đối với các công trình bố trí, xây dựng tại các nhà mặt phố, dãy phố, nhà ở liền kề (chiều dài hành lang chỉ có 2-3m) nên gần như không thể thiết kế, xây dựng các lối thoát nạn để đảm bảo khoảng cách phân tán giữa các lối thoát nạn.

c) Tại cột 6, Bảng G2.a, Phụ lục G quy định “*khoảng cách từ gian phòng có cửa ra mở vào hành lang cắt hoặc mở vào sảnh chung đối với trường mầm non không được nhỏ hơn 10m*”, do đó để bảo đảm yêu cầu này thì đối với các phòng học của trường mầm non từ tầng 2 trở lên cứ xen kẽ mỗi phòng học phải bố trí cầu thang thoát nạn và bố trí hành lang nối sang nhà khác là rất khó thực hiện.

d) Tại Điều 5.1.3.3 quy định “*thời gian chữa cháy phải lấy là 3 giờ*”, tuy nhiên hiện tại hạ tầng cấp nước chữa cháy đô thị ở nhiều địa phương chưa bảo đảm, dẫn đến một số công trình có quy mô nhỏ nhưng phải trang bị bể nước phục vụ chữa cháy từ 108m³ trở lên gây khó khăn cho việc bố trí nguồn vốn.

đ) Tại Điều 6.2.1.1 quy định “*Chiều rộng thông thủy của mặt đường cho xe chữa cháy không được nhỏ hơn 3,5 m*”. Tuy nhiên một số công trình trường học được xây dựng tại miền núi thì chiều rộng mặt đường nhỏ hơn 3,5m, do đó khi thẩm duyệt hạng mục đường giao thông phục vụ xe chữa cháy tiếp cận tới công trình là chưa bảo đảm.

e) Tại một số công trình việc xác định cấp nguy hiểm cháy (từ CV4 đến CV0) của vật liệu hoàn thiện, trang trí, vật liệu ốp lát và vật liệu phủ sàn theo Bảng B.8, Bảng B.9, Phụ lục B gặp khó khăn, vì một số vật liệu phải gửi về Viện vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng để thí nghiệm.

g) Tại mục 26, Bảng C1, Phụ lục C, TCVN 3890:2023 quy định: “*...cửa hàng xăng dầu... cửa hàng kinh doanh khí đốt*” phải được trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà. Trong đó, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà phải đảm bảo lưu lượng cấp nước chữa cháy ngoài nhà là 5l/s ở khu vực nông thôn và 10l/s ở khu vực đô thị hoặc sử dụng trụ cấp nước chữa cháy đô thị, ao, hồ tự nhiên, bể nước cách công trình 200m. Tuy nhiên, các “cửa hàng kinh doanh khí đốt, cửa hàng xăng, dầu” ở nhiều địa phương có quy mô nhỏ, hoạt động kiểu hộ gia đình, hạ tầng cấp nước chữa cháy đô thị trên địa bàn chưa đảm bảo khoảng cách giữa 2 trụ là 150m theo quy định tại Điều 10.9, TCVN 2622:1995, kinh phí đầu tư hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà lớn (chi phí xây dựng bể nước, máy bơm, đường ống, trụ nước). Do đó, việc trang bị hệ thống rất tốn kém và không khả thi.

h) Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 06:2022/BXD có một số quy định như lưu lượng nước chữa cháy, thời gian chữa cháy đối với hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà cao, yêu cầu về bể nước chữa cháy rất lớn dẫn tới chi phí xây dựng hạng mục này rất lớn. Quy chuẩn có quy định về hệ thống cấp không khí bù, tuy nhiên chưa có Tiêu chuẩn về thiết kế, lắp đặt hệ thống này, do đó phải áp dụng Tiêu chuẩn nước ngoài, gây khó khăn khi thiết kế, thi công...

i) Thông tư số 06/2022/TT-BXD quy định: Cửa hàng xăng dầu, cửa hàng kinh doanh khí đốt phải được trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

Trong đó, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà phải đảm bảo lưu lượng cấp nước chữa cháy ngoài nhà là 5l/s ở khu vực nông thôn và 10l/s ở khu vực đô thị hoặc sử dụng trụ cấp nước chữa cháy đô thị, ao, hồ tự nhiên, bể nước cách công trình 200m. Tuy nhiên, đa số cửa hàng kinh doanh khí đốt, cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, hạ tầng cấp nước chữa cháy đô thị trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo khoảng cách giữa 2 trụ là 150m theo quy định, kinh phí đầu tư hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà lớn (chi phí xây dựng bể nước, máy bơm, đường ống, trụ nước). Do đó, việc trang bị hệ thống là tốn kém và chưa khả thi.

6. Việc nhập cơ sở dữ liệu về PCCC và kết nối truyền tin báo sự cố theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC; Điều 11, Điều 16, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC còn nhiều khó khăn, bất cập do hiện nay cơ sở hạ tầng thông tin hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố chưa được đầu tư đầy đủ.

II. BẤT CẬP VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH LĨNH VỰC DU LỊCH

1. Về điều kiện kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

Theo Điều 30 Khoản 3 của Luật Du lịch 2017 “*doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế được kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và dịch vụ lữ hành nội địa...*”, nhưng chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch quốc tế lại không được chấp nhận trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Về trình độ nghiệp vụ của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành: Thực tế có rất nhiều sinh viên đã tốt nghiệp các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, có đào tạo về chuyên ngành du lịch, lữ hành nhưng tên ngành ghi trên văn bằng (Du lịch học; Quản trị kinh doanh Lữ hành và Hướng dẫn du lịch; Văn hóa du lịch; Việt Nam học; Quản trị kinh doanh du lịch; Kinh tế du lịch...). Những ngành nghề này sai lệch, không trùng khớp so với ngành nghề quy định tại Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị lữ hành; Điều hành tour du lịch; Marketing du lịch; Du lịch; Du lịch lữ hành; Quản lý và kinh doanh du lịch). Sự không trùng khớp này khiến doanh nghiệp phải tốn thêm nhiều chi phí và thời gian để đi học hoặc thi chứng chỉ

người điều hành (nội địa hoặc quốc tế) thì mới đáp ứng được điều kiện cấp Giấy phép Lữ hành. Quy định này dẫn tới nhiều bức xúc đối với doanh nghiệp.

2. Điều kiện kinh doanh Khu, điểm du lịch

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 27 Luật Du lịch 2017, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tổ chức quản lý khu du lịch nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh đến cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh nơi có khu du lịch. Tuy nhiên, trường hợp cá nhân quản lý khu du lịch nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh vẫn chưa được quy định.

III. BẤT CẬP VỀ CHỨNG CHỈ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Hiện nay, nhiều sửa chữa nhỏ, thường xuyên đối với công trình cấp I (ví dụ, trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh) cũng đòi hỏi tổ chức thi công xây dựng công trình có Chứng chỉ năng lực được thực hiện hoạt động xây dựng với công trình cấp I (khoản 2 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng). Do đó, việc thực hiện các hoạt động duy tu, sửa chữa nhỏ, thường xuyên mất nhiều thời gian, tốn kém.

Điểm d khoản 3 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định: *“Tổ chức không yêu cầu phải có chứng chỉ năng lực theo quy định của Nghị định này khi tham gia các công việc sau... Thi công công tác hoàn thiện công trình xây dựng như trát, ốp lát, sơn, lắp đặt cửa, nội thất và các công việc tương tự khác không ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực của công trình”*. Do hoạt động duy tu, sửa chữa nhỏ, thường xuyên không phải là *“công tác hoàn thiện công trình xây dựng”* nên không thể áp dụng điểm d khoản 3 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Về việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho doanh nghiệp tham gia các hoạt động xây dựng liên quan đến công trình năng lượng: Điểm 3.5, điểm 5.5, điểm 6.2 thuộc Phụ lục III kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định về phạm vi hoạt động chứng chỉ năng lực thiết kế, thẩm tra thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp năng lượng.... Tuy nhiên, Nghị định chưa có quy định về cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân (thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng) công trình công nghiệp năng lượng, do đó các địa phương chưa đủ cơ sở, điều kiện để xem xét cấp chứng chỉ năng lực cho tổ chức tham gia hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực nêu trên.

IV. BẤT CẬP TRONG QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN KINH DOANH LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đã đưa ra yêu cầu lắp camera trên xe ô tô có sức chứa từ 09 chỗ trở lên, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo từ ngày 01/7/2020. Yêu cầu này tạo gánh nặng rất lớn về chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Để thực hiện quy định này, một xe ô tô có thể phải gánh các chi phí khoảng 17 triệu đồng (chi trả chi phí lắp camera 5,8 triệu đồng; chi phí truyền dữ liệu: 1,2 triệu đồng, chi phí thải bỏ camera là 5 triệu đồng, chi phí dỡ tháo dỡ camera là 5 triệu đồng (đối với các doanh nghiệp đã lắp camera trước đó nhưng không tương thích với yêu cầu truyền dẫn của quy định))¹⁷. Nếu cả nước có 200.000 xe khách, xe ô tô đầu kéo, container¹⁸ thì chi phí ước tính để tuân thủ riêng phần lắp camera là 1160 tỷ đồng¹⁹, hàng tháng chi phí truyền dẫn dữ liệu sẽ là 240 tỷ đồng.

Mục tiêu quản lý của cơ quan nhà nước khi ban hành quy định này nhằm giám sát và cảnh báo vi phạm đối với tài xế lái xe, đảm bảo an toàn giao thông. Nhưng phân tích vào từng mục tiêu thì thấy rằng: camera lắp trên xe có thể giám sát hành vi của lái xe. Là căn cứ xử lý vi phạm, ngăn ngừa vi phạm nhưng việc giám sát này có một số hạn chế nhất định vì dữ liệu truyền về là hình ảnh tĩnh chứ không phải là hình ảnh động (video). Do đó trong một số trường hợp chưa phản ánh chính xác hành vi của tài xế.

Camera cũng có thể giám sát và là bằng chứng để xử lý các vi phạm của hành khách trên xe. Nhưng chưa có số liệu thống kê đầy đủ nào về các hành vi vi phạm trên xe ô tô là nguy cơ cao để cơ quan nhà nước buộc phải thực hiện giám sát hành vi của các hành khách. Còn các mục tiêu về giám sát tải trọng, hành trình của xe ô tô thì camera không có chức năng này và hiện tại quy định pháp luật đã có các công cụ khác để quản lý.

Nếu xét về tính pháp lý thì quy định này chưa đủ rõ ràng để các doanh nghiệp xác định chính xác số lượng, chủng loại camera phải lắp trên xe. Một vấn đề quan trọng nữa là yếu tố hình ảnh của hành khách thuộc về quyền hình ảnh riêng tư chưa được bảo vệ một cách hợp lý trong các quy định liên quan. Trong khi đây lại là vấn đề quan trọng mà các quốc gia trên thế giới quan tâm khi quy định về lắp camera trên xe ô tô vận tải hành khách.

Tóm lại, mục tiêu quản lý khi lắp camera cần được đánh giá về tính hiệu quả ở nhiều góc độ trong khi quy định này tạo ra chi phí rất lớn cho doanh nghiệp.

¹⁷ Theo khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

¹⁸ <https://tuoitre.vn/200-000-xe-khach-xe-dau-keo-phai-lap-camera-giam-sat-truoc-ngay-1-7-20210412181506439.htm>

¹⁹ 5,8 triệu x 01 chiếc x 200.000 xe.

V. BẬT CẬP TRONG YÊU CẦU VỀ HUẤN LUYỆN AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Đối với công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), cần phân biệt, tách bạch vấn đề đào tạo và huấn luyện. Theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, trong đó Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

Theo phản ánh của doanh nghiệp, chỉ nên áp dụng quy định như vậy đối với việc giảng dạy môn học ATVSLĐ tại các nhà trường, cơ sở đào tạo. Công tác huấn luyện ATVSLĐ là việc làm thường xuyên, liên tục, nội dung huấn luyện phải gắn với điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu vị trí công việc được giao cụ thể của người lao động tại từng thời điểm, do vậy cần giao cho người sử dụng lao động có quyền và chịu toàn bộ trách nhiệm trong việc thực hiện công tác huấn luyện cho người lao động của mình.

VI. KHOẢNG TRỐNG QUY ĐỊNH VỀ LẮP ĐẶT VÀ QUẢN LÝ TRẠM NẠP ĐIỆN TẠI CÁC CỬA HÀNG KINH DOANH XĂNG DẦU

Trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, thực tế cho thấy khoảng trống quy định về lắp đặt và quản lý trạm nạp điện tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu. Để quản lý cửa hàng kinh doanh xăng dầu, Bộ Công thương đã ban hành các văn bản sau:

- Thông tư 15/2020/TT-BCT ngày 30/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu;
- Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;
- Thông tư 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án

đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng.

Tuy nhiên, Bộ Công Thương chưa ban hành các quy định về lắp đặt và quản lý trạm nạp điện cho ô tô điện trên thị trường, đặc biệt quy định về lắp đặt và quản lý trạm nạp điện cho ô tô điện trong khu vực cửa hàng xăng dầu, trung tâm thương mại và siêu thị. Hoạt động của hệ thống các trạm sạc điện phục vụ quá trình vận hành cho xe ô tô điện có cần Giấy phép hoạt động điện lực hay không; trường hợp cần phải có Giấy phép hoạt động điện lực thì cơ quan nào có thẩm quyền cấp phép để phù hợp với quy mô, điều kiện hoạt động của các tổ chức có đầu tư, vận hành các trạm/cột sạc xe điện. Ngoài ra, biểu giá điện hiện nay chưa có giá bán điện cho đối tượng có mục đích sử dụng như hoạt động của các trạm sạc nêu trên.

Các cột/trạm sạc thực chất có hoạt động giao nhận mua bán điện (là một dạng hàng hóa đặc biệt), do đó cần đảm bảo về chất lượng hàng hóa (chất lượng điện năng), đảm bảo các quy định về số lượng hàng hóa giao nhận (đo lường) như công tác quản lý các trạm xăng dầu hiện nay, dẫn đến phát sinh một loạt các nội dung cần quản lý.



Phụ lục II

DANH SÁCH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH KIẾN NGHỊ BÃI BỎ

(Kèm theo Báo cáo số 1031/BC-BKHĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024)

STT	Lĩnh vực/ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ghi chú (nếu có)
I	Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
1	Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích	Doanh nghiệp đã có Giấy chứng nhận hành nghề liên quan trong lĩnh vực xây dựng. Việc yêu cầu thêm chứng chỉ lĩnh vực Văn hóa, thể thao và du lịch để cấp Giấy chứng nhận hành nghề mới là không cần thiết
II	Xây dựng	
1	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng	Đây là loại dịch vụ thông thường, tương tự như quản lý chi phí đối với các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh khác.
2	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng	Đây là loại dịch vụ thông thường, không cần thiết quy định thành ngành nghề kinh doanh có điều kiện.
III	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y	Không có khái niệm rõ ràng, không tương ứng với các ngành nghề quy định tại pháp luật chuyên ngành. Do đó, kiến nghị bãi bỏ ngành nghề này hoặc điều chỉnh lại tên gọi cho phù hợp với pháp luật chuyên ngành hoặc bổ sung định nghĩa rõ ràng.



Phụ lục III
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN KIẾN NGHỊ THU HẸP
PHẠM VI

(Kèm theo Báo cáo số 1031 /BC-BKHĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024)

STT	Lĩnh vực/ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ghi chú (nếu có)
I	Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
	Kinh doanh dịch vụ lữ hành	
II	Xây dựng	
1	Kinh doanh dịch vụ kiến trúc	Trong lĩnh vực xây dựng, mỗi ngành nghề quy định tại pháp luật chuyên ngành được phân nhóm và bao gồm nhiều ngành nghề cụ thể có quy định về điều kiện kinh doanh. Vì thế, số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện liệt kê trong Danh mục Phụ lục IV Luật Đầu tư (16 ngành nghề) ít hơn nhiều số lượng ngành nghề cụ thể có quy định về điều kiện kinh doanh tại pháp luật chuyên ngành. Với những ngành nghề này, cần chi tiết hóa, thu hẹp phạm vi thay vì nêu tên ngành nghề chung, tổng quát.
2	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng	
3	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng	
4	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình	
5	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình	
III	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Khai thác thủy sản	22 ngành nghề này có phạm vi rộng và bao trùm nhiều ngành nghề con và như vậy có thể tạo dư địa để pháp luật chuyên ngành tiếp tục mở rộng.
2	Kinh doanh thủy sản	
3	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi	
4	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi	
5	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi	
6	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá	
7	Nuôi, trồng các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	
8	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biên mẫu vật từ tự nhiên	

	của các loài thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	
9	Chế biến, kinh doanh, vận chuyển, quảng cáo, trưng bày, cất giữ mẫu vật của các loài thực vật, động vật thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	
10	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	
11	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	
12	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y	
13	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu thuật động vật	
14	Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)	
15	Kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm	
16	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
17	Kinh doanh phân bón	
18	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi	
19	Kinh doanh giống thủy sản	
20	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi	
21	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi	
22	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen	
IV	Lao động -Thương binh và Xã hội	
1	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài	
V	Công Thương	
1	Kinh doanh xăng dầu	Hiện gồm 10 ngành nghề
2	Kinh doanh khí	Hiện gồm 20 ngành nghề

3	Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	
4	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm cả hoạt động tiêu hủy)	
5	Kinh doanh rượu	
6	Hoạt động thương mại điện tử	
VI	Khoa học và Công nghệ	
1	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, thẩm định giá và giám định công nghệ	
2	Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp	



Phụ lục IV

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN NGHỊ BÃI BỎ HOẶC THU GỌN

(Kèm theo Báo cáo số 1031/BC-BKHĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024)

STT	Lĩnh vực/ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ghi chú (nếu có)
I	Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
1	Chứng chỉ hành nghề kinh doanh mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	<p>Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được quy định tại Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và Nghị định 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo về di sản văn hóa, lịch sử (khảo cổ học, văn hóa học), mỹ thuật, Hán Nôm, dân tộc học, cổ nhân học, cổ sinh vật học (động vật, thực vật), địa chất; hoặc là thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan đến các chuyên ngành đào tạo nêu trên và đã thực hiện hoạt động sưu tầm cổ vật.- Không đang trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến di sản văn hóa theo quyết định của tòa án, không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị quản chế hình sự hoặc quản chế hành chính. <p>Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề đối với chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Chủ cửa hàng phải gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;b) Hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề mua

		<p>bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chứng chỉ; - Bản sao hợp pháp các văn bằng chuyên môn có liên quan; - Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú. <p>Việc cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia chỉ đơn giản dựa trên văn bằng chuyên môn, đơn đề nghị và sơ yếu lý lịch. Do đó, việc cấp chứng chỉ không có ý nghĩa về quản lý nhà nước bởi cá nhân đã có văn bằng chuyên môn. Vì thế, kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ này.</p>
2	Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	<p>Bãi bỏ các chứng chỉ này. Thay vào đó, cơ quan quản lý nhà nước nên ban hành và công khai Sổ tay hướng dẫn để các doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện.</p>
3	Chứng chỉ hành nghề lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích	
4	Chứng chỉ hành nghề thi công tu bổ di tích	
5	Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công tu bổ di tích	
II	Xây dựng	
1	Khảo sát xây dựng	<p>Nghiên cứu thu gọn các loại chứng chỉ; tránh trùng lặp, lãng phí, không hiệu quả; giảm tối đa tạo gánh nặng thủ tục và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.</p>
2	Lập thiết kế quy hoạch xây dựng	
3	Thiết kế xây dựng	
4	Giám sát thi công xây dựng	
5	Định giá xây dựng	
6	Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	



Phụ lục V

CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN KHÁC

(Kèm theo Báo cáo số 1031/BC-BKHĐT ngày 06 tháng 02 năm 2024)

So sánh số lượng ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn qua các đợt sửa đổi Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV, Luật Đầu tư

Luật Đầu tư 2014 Luật số: 67/2014/QH13	Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục IV về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư Luật số: 03/2016/QH14	Luật Đầu tư 2020 Luật số: 61/2020/QH14	Một số nhận xét
Khai thác thủy sản	Khai thác thủy sản	Khai thác thủy sản	
Kinh doanh thủy sản	Kinh doanh thủy sản	Kinh doanh thủy sản	
Kinh doanh thức ăn thủy sản	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi	Gộp ngành nghề
Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi	Bổ sung, mở rộng ngành nghề
Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi	Gộp ngành nghề
	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá	Kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá	

		Đăng kiểm tàu cá	Bổ sung thêm ngành nghề
		Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá	Bổ sung thêm ngành nghề
Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã theo Phụ lục của Công ước CITES	Nuôi, trồng các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Gộp ngành nghề
Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES		
Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường	Nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã thông thường	Nuôi động vật rừng thông thường	Điều chỉnh tên ngành nghề
Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên quy định tại Phụ lục của Công ước CITES	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên của các loài thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Điều chỉnh tên ngành nghề
Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại các Phụ	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo quy định tại Phụ lục của Công ước CITES	Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu mẫu vật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo của các loài thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng,	Điều chỉnh tên ngành nghề

lục của Công ước CITES		động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	
		Chế biến, kinh doanh, vận chuyển, quảng cáo, trưng bày, cất giữ mẫu vật của các loài thực vật, động vật thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	Bổ sung thêm ngành nghề
Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật	
Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Kinh doanh dịch vụ xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	
Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	
Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ thực vật	
Kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vắc xin, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	Kinh doanh thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	
Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y	Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật về thú y	
Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm,	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu	Kinh doanh dịch vụ xét nghiệm, phẫu	

phần thuật động vật	thuật động vật	thuật động vật	
Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật	Kinh doanh dịch vụ tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật	
Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)	Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y (bao gồm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản)	
Kinh doanh dịch vụ chăn nuôi tập trung, sản xuất con giống; giết mổ động vật; cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; sản xuất nguyên liệu có nguồn gốc động vật để sản xuất thức ăn chăn nuôi, sơ chế, chế biến, bảo quản động vật, sản phẩm động vật; kinh doanh sản phẩm động vật, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản sản phẩm động vật	Kinh doanh chăn nuôi tập trung	Kinh doanh chăn nuôi trang trại	
	Kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Kinh doanh giết mổ gia súc, gia cầm	
Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông	Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông	

triển nông thôn	ngiệp và Phát triển nông thôn	ngiệp và Phát triển nông thôn	
		Kinh doanh dịch vụ cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật	Bổ sung thêm ngành nghề
		Kinh doanh phân bón	Bổ sung thêm ngành nghề
Kinh doanh, khảo nghiệm phân bón hữu cơ	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm phân bón	Phạm vi mở rộng hơn (do ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được bổ sung thêm chức năng quản lý phân bón vô cơ)
Kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi	Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi	
	Kinh doanh giống thủy sản	Kinh doanh giống thủy sản	
		Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng, giống vật nuôi	Bổ sung thêm ngành nghề
	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản	Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản	Ngành này được gộp trong ngành Kinh doanh thủy sản
		Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi	
Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen	Kinh doanh sản phẩm biến đổi gen	
Kinh doanh ngư cụ và trang			

thiết bị khai thác thủy sản			
Kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống thủy sản			Ngành này được gộp trong ngành Kinh doanh thủy sản (trong Luật Đầu tư 2020)
Sản xuất thức ăn chăn nuôi			Ngành này được gộp trong ngành Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi (trong Luật Đầu tư 2020)
Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi			Ngành này được gộp trong ngành Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi (trong Luật Đầu tư 2020)
Xuất khẩu, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã quý hiếm, trên cạn nguy cấp cần kiểm soát theo Phụ lục của Công ước CITES			Ngành này được thay đổi tên và gộp trong ngành Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh và nhập nội từ biển mẫu vật từ tự nhiên của các loài thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (trong Luật Đầu tư 2020)
Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại	Kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại		Ngành này được thay đổi tên và gộp trong ngành Nuôi, trồng các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và danh mục thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (trong Luật Đầu tư 2020)

Kinh doanh cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ từ rừng tự nhiên trong nước			
Kinh doanh củi than từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước			
Kinh doanh tinh, phôi, trứng giống và ấu trùng			Ngành này được gộp trong ngành Kinh doanh giống cây trồng, giống vật nuôi (trong Luật Đầu tư 2020)
Kinh doanh dịch vụ chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản			Ngành này được gộp trong ngành Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi (trong Luật Đầu tư 2020).
Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản	Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản		